

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Nguyễn Chính Chi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Ông Nguyễn Khởi Phát	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Bà Đào Ngọc Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Ngô Thu Mật	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Điền Dục Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Bà Lý Tiên Lệ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Ngọc Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Giám đốc:

Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021)
Ông Nguyễn Thăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022)
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2022)
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Công Nghĩa Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ủy quyền số 270/GUQ
ngày 10 tháng 12 năm 2021

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: 0205 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 4.480.936 USD (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.487.612 USD), và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 6.267.301 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.527.660 USD). Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: USD	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.119.347	2.610.746
I. Tiền	110	4	408.043	1.400.298
1. Tiền	111		408.043	1.400.298
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373.896	510.372
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	280.393	91.464
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	119.703	173.253
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	236.485	245.655
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(262.685)	-
III. Hàng tồn kho	140	9	330.485	631.253
1. Hàng tồn kho	141		330.485	631.253
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.923	68.823
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.923	68.823
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.399.070	38.285.898
I. Tài sản cố định	220		30.889.480	32.861.662
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.878.454	32.786.233
- Nguyên giá	222		53.348.144	53.913.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.469.690)	(21.126.952)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	11.026	75.429
- Nguyên giá	228		4.496.461	4.496.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.485.435)	(4.421.032)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.434.713	4.434.713
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.434.713	4.434.713
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		655.466	570.112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		69.622	120.638
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	585.844	449.474
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		37.518.417	40.896.644

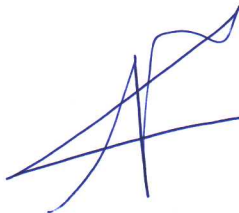
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: USD	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.386.648	6.283.939
I. Nợ ngắn hạn	310		7.386.648	5.138.406
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	84.929	303.877
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.731	26.282
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	133.867	288.829
4. Phải trả người lao động	314		163.985	294.919
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	23.356	108.194
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	3.314.877	2.134.651
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	3.648.903	1.981.654
II. Nợ dài hạn	330		-	1.145.533
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	-	1.145.533
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.131.769	34.612.705
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	30.131.769	34.612.705
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(17.854.596)	(13.373.660)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.373.660)	(9.886.048)
- (Lỗ) năm nay	421b		(4.480.936)	(3.487.612)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		37.518.417	40.896.644


 Mai Thị Dung
 Người lập biểu


 Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng


 Công Nghĩa Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

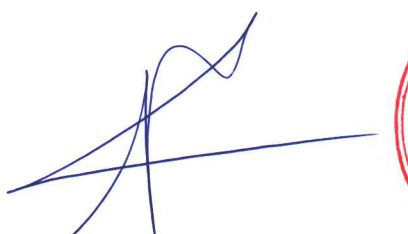
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	3.273.161	5.368.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.273.161	5.368.944
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	5.307.083	6.484.041
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.033.922)	(1.115.097)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	99.632	159.558
7. Chi phí tài chính	22	26	279.848	345.290
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		184.140	250.425
8. Chi phí bán hàng	25	27	488.338	569.856
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	1.773.599	1.537.681
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(4.476.075)	(3.408.366)
11. Thu nhập khác	31		24.766	11.189
12. Chi phí khác	32		29.627	90.435
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(4.861)	(79.246)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4.480.936)	(3.487.612)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(4.480.936)	(3.487.612)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(0,064)	(0,050)


Mai Thị Dung
Người lập biểu


Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng


Công Nghĩa Nam
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 3 năm 2022

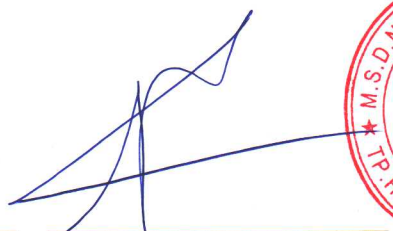
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(4.480.936)	(3.487.612)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.950.087	2.206.076
Các khoản dự phòng	03	262.685	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(83.091)	46.836
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(965)	846
Chi phí lãi vay	06	184.140	250.425
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.168.080)	(983.429)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(124.805)	717.100
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	144.346	(165.953)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	(253.213)	1.542.484
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	112.916	(33.113)
Tiền lãi vay đã trả	14	(268.677)	(140.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.557.513)	936.126
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(151.932)	(353.721)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	43.112	16.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(108.820)	(336.730)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.053.256	4.787.619
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.386.007)	(5.499.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.667.249	(712.001)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(999.084)	(112.605)
Tiền đầu năm	60	1.400.298	1.535.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.829	(22.288)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	408.043	1.400.298


Mai Thị Dung
Người lập biểu


Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng


Công Nghĩa Nam
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2021, vốn đầu tư của Công ty là 1.171.473.560.000 VND tương đương 67.000.000 USD và vốn điều lệ là 703.687.540.000 VND tương đương 42.309.869,89 USD.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt (thành lập tại Quần đảo British Virgin).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 640 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 829 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệt theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện trọng yếu trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng hoạt động liên tục

Từ tháng 4 năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.480.936 USD (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.487.612 USD). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 17.854.596 USD (31 tháng 12 năm 2020: 13.373.660 USD) và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 6.267.301 USD (31 tháng 12 năm 2020: 2.527.660 USD). Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh và các khoản đi vay, trong khi diễn biến của dịch COVID-19 là khó dự đoán và các khoản tiền vay phụ thuộc vào việc tiếp tục được cấp tín dụng từ các ngân hàng thương mại.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các phương án ứng phó với đại dịch COVID-19 đang ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cơ sở sau:

- Công ty sẽ hoàn trả các khoản vay khi đến hạn, theo dõi và quản lý các yêu cầu của các tổ chức tín dụng đặt ra để duy trì hạn mức tín dụng đã được cấp. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể được gia hạn hạn mức tín dụng đã được cấp hoặc được cấp các hạn mức tín dụng mới từ các ngân hàng.
- Công ty đã nhận được cam kết hỗ trợ tài chính từ Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân ("Lam Xuân") - đối tác cho vay. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng Công ty có thể nhận được sự hỗ trợ tài chính từ Lam Xuân bất kỳ khi nào Công ty có nhu cầu.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc dự đoán ngành du lịch nói chung cũng như hoạt động kinh doanh của khách sạn và câu lạc bộ của Công ty sẽ phục hồi đáng kể trong vòng 12 tháng tới do Việt Nam đã khôi phục lại các chuyến bay quốc tế kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2022. Bên cạnh đó, thông qua việc thực hiện các biện pháp khác nhau như tiết kiệm chi phí hoạt động, triển khai các hoạt động tiếp thị nhằm thu hút nhiều khách du lịch và khách hàng trong nước và quốc tế, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ dòng tiền để trang trải hoạt động kinh doanh.

Các điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Trong trường hợp giả định hoạt động liên tục không phù hợp, báo cáo tài chính có thể có một số điều chỉnh cần thiết.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cược và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 01 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 06 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các mặt hàng tồn kho được xác định theo các phương pháp sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy trò chơi điện tử, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip tiền mặt trong hộp drop box (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi.
- Doanh thu máy trò chơi bằng tổng số tiền khách nạp vào máy để chơi trừ đi tổng số tiền trả cho khách tại quầy thu ngân.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	USD	USD
Tiền mặt	359.419	672.019
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.624	728.279
	408.043	1.400.298

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	-
	419.411	-	419.411	-

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	USD		USD	
	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Khách đoàn Long Bay	265.143	2.458	52.725	52.725
Đại lý Hằng Thăng	13.292	13.292	32.608	32.608
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.958	1.958	6.131	6.131
	280.393	17.708	91.464	91.464
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(262.685)		-	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	USD	USD
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	68.586	72.299
Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	54.037
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	41.153	41.153
Khác	9.964	5.764
	119.703	173.253

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối năm	234.175	226.050
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	-	18.349
Khác	2.310	1.256
	<u>236.485</u>	<u>245.655</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>		<u>USD</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	207.048	-	464.554	-
Hàng hóa	123.437	-	166.699	-
	<u>330.485</u>	<u>-</u>	<u>631.253</u>	<u>-</u>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	38.703.361	11.962.327	896.961	848.532	1.502.004	53.913.185
Mua mới	-	-	-	-	20.052	20.052
Thanh lý	-	(277.712)	(285.697)	(21.684)	-	(585.093)
Số dư cuối năm	38.703.361	11.684.615	611.264	826.848	1.522.056	53.348.144
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	8.827.792	9.322.103	666.852	826.762	1.483.443	21.126.952
Khấu hao trong năm	907.763	872.940	77.962	18.700	8.319	1.885.684
Thanh lý trong năm	-	(263.645)	(257.756)	(21.545)	-	(542.946)
Số dư cuối năm	9.735.555	9.931.398	487.058	823.917	1.491.762	22.469.690
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	29.875.569	2.640.224	230.109	21.770	18.561	32.786.233
Số dư cuối năm	28.967.806	1.753.217	124.206	2.931	30.294	30.878.454

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 28.271.958 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 29.932.797 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản tạm thời dừng hoạt động để sửa chữa với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 126.447 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 133.922 USD).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.290.516 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.187.879 USD).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.394.268	102.193	4.496.461
Số dư cuối năm	4.394.268	102.193	4.496.461
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.334.815	86.217	4.421.032
Khấu hao trong năm	59.453	4.950	64.403
Số dư cuối năm	4.394.268	91.167	4.485.435
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	59.453	15.976	75.429
Số dư cuối năm	-	11.026	11.026

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.480.883 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 75.239 USD).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Số đầu năm	4.434.713	4.009.759
Tăng trong năm	-	424.954
Số cuối năm	4.434.713	4.434.713

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	1.678.038	1.678.038
+ <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	235.060	235.060
+ <i>Sửa chữa lớn biệt thự</i>	1.181.164	1.181.164
+ <i>Các dự án mới</i>	261.814	261.814
- Nhà đa năng (*)	2.756.675	2.756.675
	4.434.713	4.434.713

(*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 30), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	USD		USD	
Vật tư điện, nước	75.826	18.374	63.228	18.374
Vật tư xây dựng	583.907	55.515	460.135	55.515
	659.733	73.889	523.363	73.889

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	USD		USD	
Doanh nghiệp Tư nhân Khả Thuý	8.464	8.464	12.235	12.235
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Gia Huy Quảng Ninh	-	-	52.150	52.150
Công ty TNHH Dự Thành	-	-	38.688	38.688
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	-	-	30.652	30.652
Phải trả cho các đối tượng khác	76.465	76.465	170.152	170.152
	84.929	84.929	303.877	303.877

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	66.197	301.287	342.441	25.043
Thuế tiêu thụ đặc biệt	216.378	620.042	753.172	83.248
Thuế thu nhập cá nhân	6.254	90.591	71.269	25.576
Thuế khác	-	1.352	1.352	-
	288.829	1.013.272	1.168.234	133.867

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Lãi vay	15.848	100.709
Khác	7.508	7.485
	23.356	108.194

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	37.629	42.269
+ Đại lý Thư Lượng	10.668	10.626
+ Đại lý Hằng Thăng	20.419	20.339
+ Khác	6.542	11.304
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.277.248	2.092.382
+ Đại lý Long Bay (*)	2.855.227	1.874.243
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	203.723	44.248
+ Bảo hành xây dựng	102.711	100.124
+ Chip trôi nổi	49.408	25.446
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	-	6.494
+ Khác	66.179	41.827
	3.314.877	2.134.651
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.145.533
+ Đại lý Long Bay	-	1.145.533
	-	1.145.533

(*) Phải trả ngắn hạn khác từ Đại lý Long Bay bao gồm 667.602 USD tiền chip ký gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 666.686 USD).

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	USD	Tăng	Giảm	Giá trị	USD
	1.576.038	1.576.038	4.712.412	3.181.123	3.107.327	3.107.327
	405.616	405.616	992.478	1.204.884	193.210	193.210
	-	-	348.366	-	348.366	348.366
	1.981.654	1.981.654	6.053.256	4.386.007	3.648.903	3.648.903

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)
Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (iii)

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 05 tháng 8 năm 2021 với hạn mức tín dụng 75,5 tỷ VND tương đương 3,33 triệu USD (tỷ giá 22.640 VND/USD). Hạn mức tín dụng này đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngày 30 tháng 7 năm 2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 18 tháng 8 năm 2020. Thời hạn cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án “Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí” cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 442 ngàn USD (tỷ giá 22.640 VND/USD) và có hiệu lực 1 năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa của từng kế ước nhận nợ là 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Cầu lạc bộ và khách sạn 5 sao.

(iii) Khoản vay Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân bằng VND theo hợp đồng vay ký ngày 06 tháng 10 năm 2021 và hợp đồng vay ký ngày 28 tháng 12 năm 2021. Mục đích của khoản vay là để chi trả các khoản nợ và bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn của khoản vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán một lần vào ngày kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư đầu năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(9.886.048)	38.100.317
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(3.487.612)	(3.487.612)
Số dư cuối năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(13.373.660)	34.612.705
Số dư đầu năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(13.373.660)	34.612.705
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(4.480.936)	(4.480.936)
Số dư cuối năm nay	<u>42.309.870</u>	<u>5.027.169</u>	<u>649.326</u>	<u>(17.854.596)</u>	<u>30.131.769</u>

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi		Vốn đã góp					
			Số cuối năm			Số đầu năm		
	'000 VND	'000 VND	USD quy đổi	%	'000 VND	USD quy đổi	%	
Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	369.386.320	369.386.320	22.219.546	52,49	-	-	-	
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	-	-	-	-	369.386.320	22.219.546	52,49	
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	22.619.800	1.374.987	3,21	22.619.800	1.374.987	3,21	
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	18.880.920	1.149.924	2,68	18.880.920	1.149.924	2,68	
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	17.709.550	1.069.089	2,52	17.709.550	1.069.089	2,52	
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	275.090.950	16.496.324	39,10	275.090.950	16.496.324	39,10	
Cộng	<u>703.687.540</u>	<u>703.687.540</u>	<u>42.309.870</u>	<u>100</u>	<u>703.687.540</u>	<u>42.309.870</u>	<u>100</u>	

20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
VND	3.167.366.472	4.826.234.560
CNY	38.404	83.486

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Công ty bao gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Năm nay

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	1.751.558	1.521.603	-	3.273.161
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	517.788	1.470.045	-	1.987.833
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(2.703.232)	(1.772.843)	-	(4.476.075)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	3.667	50.709	-	54.376
5. Tài sản bộ phận	6.489.483	28.580.808	(17.639.264)	17.431.027
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	20.087.390
Tổng tài sản	6.489.483	28.580.808	(17.639.264)	37.518.417
7. Nợ phải trả bộ phận	20.937.164	55.947	(17.639.264)	3.353.847
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.032.801
Tổng Nợ phải trả	20.937.164	55.947	(17.639.264)	7.386.648

Năm trước

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	3.003.784	2.365.160	-	5.368.944
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	637.144	1.623.628	-	2.260.772
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(2.299.172)	(1.109.194)	-	(3.408.366)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	78.399	546.055	-	624.454
5. Tài sản bộ phận	7.495.310	30.515.957	(13.645.676)	24.365.591
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	16.531.053
Tổng tài sản	7.495.310	30.515.957	(13.645.676)	40.896.644
7. Nợ phải trả bộ phận	19.230.530	204.929	(13.645.676)	5.789.783
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	494.156
Tổng Nợ phải trả	19.230.530	204.929	(13.645.676)	6.283.939

22. DOANH THU HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Doanh thu phòng nghỉ	908.508	1.544.534
Doanh thu chip	1.627.352	2.793.210
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	605.710	763.794
Doanh thu xèng	124.206	210.573
Doanh thu dịch vụ khác	7.385	56.833
	3.273.161	5.368.944

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	251.699	331.781
Chi phí nhân công	2.380.519	3.115.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.861.283	2.113.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	813.582	923.824
	5.307.083	6.484.041

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	251.699	331.781
Chi phí nhân công	3.856.901	4.534.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.950.087	2.206.076
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	262.685	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	1.247.648	1.519.671
	7.569.020	8.591.578

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Lãi tiền gửi	113	188
Lãi chênh lệch tỷ giá	49.952	76.238
Doanh thu hoạt động tài chính khác	49.567	83.132
	99.632	159.558

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí lãi vay	184.140	250.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá	95.708	94.865
	279.848	345.290

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	412.267	468.913
Chi phí dụng cụ sản xuất	8.181	14.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.843	46.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.624	3.945
Các chi phí khác	18.423	35.332
	488.338	569.856
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.064.115	949.999
Chi phí dụng cụ sản xuất	13.164	16.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.961	45.852
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	262.685	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.603	322.737
Các chi phí khác	200.071	202.431
	1.773.599	1.537.681

2119 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUỐC TẾ
HOÀNG GIA
S - T. QU
12500
CÔNG TY
NH
OITT
T NAM
DA - T. P. V

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	Năm nay USD	Năm trước USD
(Lỗ) kế toán trước thuế	(4.480.936)	(3.487.612)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	<i>(28.916)</i>	<i>(28.301)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>286.743</i>	<i>60.667</i>
<i>Cộng: Chênh lệch giá trị chip trôi nổi cuối năm và đầu năm</i>	<i>16.753</i>	<i>(5.941)</i>
Lỗ tính thuế năm hiện hành	(4.206.356)	(3.461.187)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

29. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(4.480.936)	(3.487.612)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(4.480.936)	(3.487.612)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (USD)	(0,064)	(0,050)

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị đã đầu tư là 2.756.675 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 117.768 USD.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 63.914 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 72.272 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP do Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 13 tháng 8 năm 1994 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh sau đó và Hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Đơn giá tiền thuê được xác định trên cơ sở đơn giá tại thời điểm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Như trình bày tại Thuyết minh số 30, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Trong quá trình đo đạc, khảo sát ranh giới diện tích đất thực tế để cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, cơ quan chức năng đã xác định diện tích đất của Công ty bị cấp thiếu hụt 2.622,4 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Công ty đã có các công văn trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án cấp bù đất để đầu tư kinh doanh do diện tích bị thu hẹp. Theo đó Công ty đề nghị được kéo dài thời gian miễn nộp tiền thuê đất thêm 12 tháng tương ứng diện tích 2.622,4 m² đất còn thiếu khi góp vốn trong thời hạn của dự án.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Phiếu chuyển số 3100/UBND-QLĐĐ3 đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh ("Sở TNMT") để Sở TNMT chủ trì cùng các đơn vị có liên quan kiểm tra cùng các Công văn đốc thúc sau đó. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản trả lời từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Sở TNMT. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến tiền thuê đất trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

Tổng thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

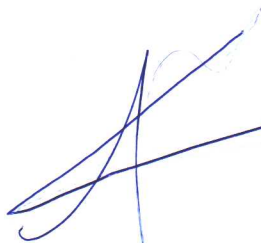
	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)	3.256	-
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)	65.115	38.406
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	14.754	10.542
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc	47.275	31.232
Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021)	2.057	-
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng	14.556	10.457
		<u>147.013</u>	<u>90.637</u>

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 113.393 USD (năm 2020: 269.038 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 114.142 USD (năm 2020: 117.855 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



Mai Thị Dung
Người lập biểu



Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng



Công Nghĩa Nam
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022